

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/KDTM-ST

Ngày: 28-7-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lịch;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Côn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2022/TLST- KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng P; địa chỉ: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị P;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý (theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tuấn Anh:

+ Ông Lê Thành Luân - Trưởng bộ phận xử lý nợ;

+ Ông Ngô Văn Phúc - Chuyên viên xử lý nợ;

+ Ông Trịnh Văn Thắng - Chuyên viên xử lý nợ.

(Theo văn bản ủy quyền số 986A/2022/ UQ-LCC-KHCN PUN MB ngày 15/7/2022)

Bị đơn: Vợ chồng anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 33, xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị X, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 33, xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm 9 Tân Tiến, xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt: ông Ngô Văn Phúc; vắng mặt: anh G, chị N, ông R, bà X, ông K, bà L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-11-2021, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng P trình bày:

Ngân hàng P(gọi tắt là Ngân hàng VP Bank) - Chi nhánh Nam Định có ký 04 Hợp đồng tín dụng cho vợ chồng anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị N vay vốn tại Ngân hàng P chi nhánh Nam Định tổng số tiền là: 6.757.500.000đ. Cụ thể như sau:

Hợp đồng thứ nhất: Số LN2101273344034 ngày 04-02-2021, số tiền vay 5.970.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh hạn mức kinh doanh đồ gỗ; lãi suất trong hạn: 9,49%/năm, hết hạn 6 tháng được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh G, chị N đã trả được cho Ngân hàng từ ngày 05-3-2021 đến 01-10-2021 tổng số tiền 298.253.308đ trong đó gồm tiền lãi 297.864.350đ và lãi chậm trả 388.958đ. Đến ngày 06-9-2021, anh G, chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi.

Hợp đồng thứ hai: Số LN2103303549743 ngày 06-4-2021, số tiền vay 600.000.000đ, thời hạn 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh sản xuất đồ gỗ; lãi suất trong hạn 12,49%/năm, sau một tháng thì lãi suất trong hạn được điều chỉnh 01 tháng/1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh G, chị N đã trả được cho Ngân hàng từ ngày 05-5-2021 đến 18-8-2021 số tiền 25.194.251đ tiền lãi. Đến ngày 06-9-2021, anh G, chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi.

Hợp đồng thứ ba: Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 02-4-2021, tương đương với hợp đồng số LD2109800497 ghi trên hệ thống của P; số tiền vay: 178.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, mua đồ gia dụng. Lãi suất trong hạn 20%/năm; quá trình thực hiện hợp đồng, anh G, chị N đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi 27.303.803đ trong đó 7.427.875đ tiền nợ gốc và 19.875.928đ lãi, còn lại 170.572.125đ. Ngày 05-12-2021, anh G, chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi.

Hợp đồng thứ tư: Vay qua thẻ tín dụng theo giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kèm phương án sử dụng vốn giấy đề nghị, kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 22-3-2021, tương đương với hợp đồng số 308-P-3155272 ghi trên hệ thống của P. Ngày 18-11-2021, anh G, chị N được cấp số tiền 9.500.000đ qua thẻ tín dụng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, mua đồ gia dụng. Lãi suất trong hạn 47,88%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay vợ chồng anh G chị N đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng số LN2101273344034 ngày 04-02-2021 và số LN2103303549743 ngày 06-4-2021 gồm các tài sản: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 373, tờ bản đồ số 21 xã V, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28-11-2016, mang tên ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị N; Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 374, tờ bản đồ số 21 xã V, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-9-2017, mang tên ông Nguyễn Văn R, bà Phạm Thị X; Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 7 xã V, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28-11-2017, mang tên ông Nguyễn Văn Thi, bà Phạm Thị Lạ.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, anh G, chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với P và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tổng dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 28-7-2022 là: 7.956.393.607đ, trong đó: nợ gốc là 6.750.072.125đ, nợ lãi: 1.149.175.314đ, lãi chậm trả: 57.146.168đ. Ngân hàng VP Bank đã nhiều lần thông báo, đôn đốc nhắc nhở và tạo điều kiện để vợ chồng anh G chị N trả nợ nhưng vợ chồng anh G và chị N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án anh G, chị N xác nhận sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng VP Bank.

Nay nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị N phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng P số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28-7-2022 là: 7.956.393.607đ, trong đó: nợ gốc là 6.750.072.125đ, nợ lãi: 1.149.175.314đ, lãi chậm trả: 57.146.168đ. Kể từ sau ngày Tòa án xét xử thì buộc vợ chồng anh G, chị N còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, lãi phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu vợ chồng anh G, chị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị N trình bày: Công nhận có ký các hợp đồng vay vốn với P đúng như đại diện Ngân hàng trình bày. Tổng số tiền gốc ban đầu là 6.757.500.000đ, vợ

chồng anh G, chị N đã trả được 7.427.875đ nên còn nợ lại là 6.750.072.125đ tiền gốc. Anh G, chị N công nhận đúng chữ ký của mình trong các hợp đồng vay vốn, hợp đồng thế chấp và đúng chữ ký của ông R, bà X, ông K, bà L trong các hợp đồng thế chấp tài sản. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, do vợ chồng anh G, chị N làm ăn không thuận lợi, dịch bệnh, bị thua lỗ nên từ ngày 06-9-2021 không có khả năng trả nợ gốc và lãi cho P. Anh G, chị N công nhận đã thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng anh G, chị N, của vợ chồng ông R, bà X và của vợ chồng ông K, bà L như Ngân hàng trình bày là đúng. Tòa án đã xem xét thẩm định các tài sản vợ chồng anh G, chị N thế chấp tại Ngân hàng, từ khi thế chấp đến nay các tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất không có gì thay đổi hay sửa chữa gì. Riêng chỉ có phần tài sản là nhà ở cấp bốn của ông K, bà L tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 7 xã V, đã bị xuống cấp sập đổ, không còn giá trị. Nay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện đòi nợ số tiền gốc và lãi, lãi chậm trả, vợ chồng anh G, chị N công nhận còn nợ đúng như Ngân hàng yêu cầu. Anh G, chị N nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nhưng do làm ăn thua lỗ nên chưa thể có tiền để trả nợ luôn cho Ngân hàng được, vợ chồng anh G, chị N xin khất nợ và xin được trả dần. Về tài sản thế chấp anh G, chị N cũng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để vợ chồng tìm cách trả nợ không phải xử lý tài sản thế chấp là nhà đất và các tài sản khác của bố mẹ anh chị là vợ chồng ông R bà X và vợ chồng ông K bà L. Hiện nay ông R bà X và ông K bà L không có nơi ở nào khác.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 5 năm 2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn R trình bày: Khoảng đầu năm 2021, vợ chồng anh G, chị N có cần vốn kinh doanh bổ sung đồ gỗ nên có nói chuyện với vợ chồng ông R, bà X đi vay vốn ngân hàng. Anh G, chị N đặt vấn đề mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông R, bà X để thế chấp ngân hàng P. Ông R, bà X nhất trí và có đến P chi nhánh Nam Định ký thủ tục thế chấp tài sản đối với quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa số 374, tờ bản đồ số 21 xã V, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-9-2017, mang tên ông Nguyễn Văn R, bà Phạm Thị X. Vợ chồng ông R, bà X đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên mình cho anh G, chị N nộp cho Ngân hàng. Anh G, chị N nói với vợ chồng ông R, bà X là anh chị chỉ vay khoảng 900.000.000đ nên vợ chồng ông R cũng biết thế và nhất trí ký hợp đồng thế chấp. Trong quá trình thực hiện việc vay vốn, ông R, bà X cũng không biết được anh G, chị N đã trả nợ cho Ngân hàng được như thế nào. Nay ngân hàng khởi kiện đòi nợ thì anh G, chị N có ý kiến với Ngân hàng, còn ông R, bà X không biết. Ông R mong Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng anh G có thời gian giãn nợ tìm phương án trả nợ cho Ngân hàng. Về tài sản thế chấp, hiện nay vợ chồng ông R, bà X không có nơi ở nào khác, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để gia đình bàn bạc tìm cách trả nợ cho Ngân hàng để không ảnh hưởng đến nơi ở là nhà đất của ông bà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Phạm Thị X, ông Nguyễn Văn

Thị, bà Phạm Thị Lạ. Như vậy, bà X, ông K, bà L đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình có liên quan, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà X, ông K, bà L vẫn không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải, tổng đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 98, 170, 171, 175, 177, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự như cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X, ông Nguyễn Văn Thi, bà Phạm Thị Lạ không có ý kiến bằng văn bản, không đến tham gia phiên tòa là chưa có ý thức chấp hành pháp luật theo các quy định tại các Điều trên.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng P, buộc vợ chồng anh G, chị N phải trả nợ cho Ngân hàng P số tiền nợ tính đến ngày 28-7-2022 là: 7.956.393.607đ, trong đó: nợ gốc là 6.750.072.125đ, nợ lãi: 1.149.175.314đ, lãi chậm trả: 57.146.168đ. Trường hợp anh G, chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng P có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án xử lý các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Nếu tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng anh G, chị N còn phải tiếp tục thi hành phần nghĩa vụ còn lại đối với Ngân hàng P cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu như đã trình bày, bổ sung thêm về việc thẩm định tài sản thế chấp: Tài sản trên đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn Thi, bà Phạm Thị Lạ là nhà cấp bốn tại thời điểm thẩm định đã sập đổ không còn giá trị và xây thêm một móng nhà mới, phía Ngân hàng nhất trí, không yêu cầu các đương sự khắc phục. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X, ông Nguyễn Văn Thi, bà Phạm Thị Lạ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do; ông Nguyễn Văn R đề nghị xin vắng mặt. Căn

cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Vợ chồng anh G, chị N ký 04 Hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng VP Bank để bổ sung vốn kinh doanh sản xuất đồ gỗ và vay tiêu dùng, mua đồ gia dụng. Để vay được tiền thì vợ chồng anh G chị N phải có giấy phép kinh doanh. Anh G chị N đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, sản xuất, kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ. Do đó xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

[3] *Về nội dung vụ án:*

- Xét yêu cầu của Ngân hàng VP Bank đề nghị bị đơn là vợ chồng anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị N phải trả số tiền gốc, lãi theo các hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của anh G, chị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn R trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định: Giữa Ngân hàng VP Bank và vợ chồng anh G chị N có ký 04 hợp đồng tín dụng vay vốn tổng số tiền 6.757.500.000đ là có thật. Mục đích để bổ sung vốn kinh doanh sản xuất đồ gỗ và vay tiêu dùng, mua đồ gia dụng. Ngân hàng VP Bank đã giải ngân cho vợ chồng anh G, chị N đủ số tiền như trên. Như vậy, Ngân hàng VP Bank đã giải ngân đầy đủ và đúng hạn, đúng mục đích cho bên vay là vợ chồng anh G chị N nhưng sau đó bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán các khoản nợ. Ngân hàng VP Bank đã thông báo các khoản nợ và đơn đốc trả nợ nhiều lần nhưng anh G, chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, tính đến ngày tính đến ngày 28-7-2022 tổng số nợ gốc và lãi là: 7.956.393.607đ, trong đó: nợ gốc 6.750.072.125đ, nợ lãi: 1.149.175.314đ, lãi chậm trả: 57.146.168đ

[4] Xét các hợp đồng cho vay số LN2101273344034 ngày 04-02-2021; số LN2103303549743 ngày 06-4-2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 02-4-2021, tương đương với Hợp đồng số LD2109800497 ghi trên hệ thống của P; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 22-3-2021, tương đương với hợp đồng số 308-P-3155272 ghi trên hệ thống của P được ký kết giữa Ngân hàng P và vợ chồng anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị N; các hợp đồng thế chấp số LN2103303549743 ngày 06-4-2021 ký kết giữa ông R, bà X với P và số LN2103303549743 ngày 06-4-2021 ký kết giữa ông K, bà L với P thì thấy: Tại thời điểm ký các hợp đồng, Ngân hàng P là pháp nhân có đăng ký kinh doanh; vợ chồng anh G, chị N, ông R, bà X, ông K, bà L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; anh G, chị N là hộ gia đình có đăng ký kinh doanh. Việc các bên ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trên cơ sở X cầu, kế hoạch phát triển kinh doanh, tăng thu nhập của doanh nghiệp và gia đình. Về nội dung các hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định

pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng anh G, chị N; vợ chồng ông R, bà X; vợ chồng ông K, bà L đã được Tòa án giao cho nhận bản sao các hợp đồng cho vay và các hợp đồng thế chấp do Ngân hàng P nộp kèm theo đơn khởi kiện. Anh G, chị N, ông R, bà X, ông K, bà L không có ý kiến gì về hình thức và nội dung của các hợp đồng trên. Do đó, các hợp đồng cho vay và các hợp đồng thế chấp ở trên đều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng thực hiện.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng P đối với vợ chồng anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị N:

Theo hợp đồng cho vay số LN2101273344034 ngày 04-02-2021, khế ước nhận nợ ngày 04-02-2021 ký kết giữa Ngân hàng P và vợ chồng anh G, chị N và các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng xuất trình: Ngày 04-02-2021, Ngân hàng P đã cho vợ chồng anh G, chị N vay số tiền 5.970.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất trong hạn: 9,49%/năm, hết hạn 6 tháng được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh G, chị N chưa trả được nợ gốc và vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi từ ngày 06-9-2021 cho đến nay.

Theo hợp đồng cho vay số LN2103303549743 ngày 06-4-2021 ký kết giữa Ngân hàng P và vợ chồng anh G, chị N và các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng xuất trình: Ngày 06-4-2021, Ngân hàng P đã cho vợ chồng anh G, chị N vay số tiền 600.000.000đ, thời hạn 12 tháng; lãi suất trong hạn 12,49%/năm, sau một tháng thì lãi suất trong hạn được điều chỉnh 01 tháng/1 lần. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh G, chị N chưa thanh toán được nợ gốc và vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi từ ngày 06-9-2021 cho đến nay.

Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 02-4-2021 (tương đương với hợp đồng số LD2109800497 ghi trên hệ thống của P) được ký kết giữa Ngân hàng P và anh G và các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng xuất trình: Ngày 08-4-2021 Ngân hàng đã cho anh Gaing, chị N vay số tiền 178.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng; lãi suất trong hạn 20%/năm; quá trình thực hiện hợp đồng; anh G, chị N đã trả được cho Ngân hàng 7.427.875đ tiền nợ gốc, còn lại 170.572.125đ. Anh G, chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi kể từ ngày 05-12-2021 cho đến nay.

Theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 22-3-2021 (tương đương với hợp đồng số 308-P-3155272 ghi trên hệ thống của P) được ký kết giữa P với anh G, chị N, ông K, bà L và các tài liệu Ngân hàng xuất trình: Ngày 18-11-2021, ngân hàng đã chuyển tiền qua thẻ tín dụng của anh G số tiền 9.500.000đ, thời hạn vay 60 tháng; lãi suất trong hạn 47,88%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh G, chị N chưa trả được nợ gốc và vi phạm trả lãi từ ngày 22-12-2021 đến nay.

Vợ chồng anh G và chị N có ký 04 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng P và vay vốn tổng số tiền 6.757.500.000đ, mục đích để bổ sung vốn kinh doanh sản xuất đồ gỗ và vay tiêu dùng, mua đồ gia dụng. Ngân hàng VP Bank đã giải ngân

cho vợ chồng anh G, chị N số tiền vay như trên đầy đủ và đúng hạn, đúng mục đích nhưng sau đó trong quá trình thực hiện anh G chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán các khoản nợ gốc và lãi khi đến hạn là đã vi phạm các điều khoản hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Ngân hàng VP Bank đã nhiều lần thông báo, đôn đốc nhắc nhở và tạo điều kiện về thời gian và đưa ra các phương án tối ưu để vợ chồng anh G chị N trả nợ nhưng vợ chồng anh G và chị N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án anh G, chị N xác nhận sau khi vay vốn ngân hàng do làm ăn không gặp thuận lợi, kết hợp với dịch bệnh, bị thua lỗ nên chưa có khả năng thanh toán các khoản nợ gốc và lãi cho phía ngân hàng. Vợ chồng anh G chị N xác nhận sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng VP Bank. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng P về việc buộc vợ chồng anh G, chị N phải trả cho Ngân hàng khoản nợ tính đến ngày 28-7-2022 là: 7.956.393.607đ, trong đó: nợ gốc 6.750.072.125đ, nợ lãi: 1.149.175.314đ, lãi chậm trả: 57.146.168đ là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 463, 465 và 466 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho các khoản vay nợ tại Ngân hàng P, vợ chồng anh G, chị N đã bàn bạc thống nhất với bố mẹ hai bên là ông R bà X là bố mẹ đẻ anh G và ông K bà L là bố mẹ đẻ chị N ký hợp đồng thế chấp, thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất, cụ thể: Vợ chồng anh G, chị N đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của vợ chồng anh G chị N và tài sản là thuộc thửa số 373, tờ bản đồ số 21 xã V, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28-11-2016, mang tên ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị N và các tài sản gắn liền với đất gồm: Một nhà hai tầng có diện tích sàn 70m², một lán xây tường không mái diện tích 80 m², một khu nhà vệ sinh có diện tích 8m². Vợ chồng ông R, bà X đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 374, tờ bản đồ số 21 xã V, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-9-2017, mang tên ông Nguyễn Văn R, bà Phạm Thị X và các tài sản gắn liền với đất gồm: Một nhà cấp bốn lợp ngói diện tích 32 m²; một đại proximang (phía Tây) diện tích 32 m²; một đại lợp tôn, thép hộp (phía Nam) diện tích 28m². Vợ chồng ông K, bà L đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 25, tờ bản đồ số 7 xã V, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28-11-2017, mang tên ông Nguyễn Văn Thi, bà Phạm Thị Lạ và các tài sản gắn liền với đất gồm: Một nhà cấp bốn trên đất (nay đã sập không còn giá trị); một nhà mái bằng hướng Nam diện tích 80 m² (nhà của vợ chồng anh Nguyễn Văn Thụ con trai ông K, bà L).

Để cho vợ chồng anh G chị N được vay các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng thì vợ chồng ông R bà X và vợ chồng ông K bà L là bố mẹ đẻ anh G và bố mẹ đẻ chị N đều nhất trí ký hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo cho anh G chị N vay các khoản vay theo các hợp đồng. Ngoài việc ký các hợp đồng thế chấp ông R, bà X và ông K

bà L còn ký các văn bản thỏa thuận đầy đủ nội dung về tài sản thế chấp với ngân hàng P. Thể hiện rõ sự nhất trí và thống nhất của ông R, bà X và ông K, bà L.

Tại buổi xem xét thẩm định tài sản, phần các tài sản gắn liền với đất của gia đình anh G, chị N và gia đình ông R, bà X vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi thế chấp, không có thay đổi, xây mới hay sửa chữa thêm gì. Đối với tài sản trên đất của vợ chồng ông K, bà L có thay đổi: theo văn bản thỏa thuận khi ký hợp đồng thế chấp thể hiện có 02 ngôi nhà cấp 4, nhưng khi xem xét thẩm định thực tế chỉ có 01 ngôi nhà cấp bốn của ông K, bà L đã xuống cấp bị sập đổ không còn giá trị, 01 móng nhà mới diện tích 40m² xây trên nền nhà cấp bốn (đã bị đổ sập). Tuy nhiên, phía Ngân hàng P không yêu cầu khắc phục và có ý kiến về việc khi thỏa thuận ký hợp đồng thể hiện hai nhà cấp 4 có thể do sơ xuất lỗi khi lập hợp đồng nhưng thực tế khi thẩm định thì chỉ có 01 nhà cấp bốn, phía ngân hàng không có ý kiến gì và hoàn toàn tôn trọng thực tế theo kết quả xem xét thẩm định. Vì vậy, trường hợp anh G, chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng P thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo như hợp đồng thế chấp đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] *Về chi phí tố tụng*: Ngân hàng P nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tài sản. Xác nhận Ngân hàng P đã nộp đủ và không có yêu cầu gì khác.

[8] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng P.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P đối với vợ chồng anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị N.

1.1 Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P khoản nợ tính đến ngày 28-7-2022 là: 7.956.393.607đ (*bảy tỷ chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm linh bảy đồng*), trong đó: nợ gốc 6.750.072.125đ (*sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng*), nợ lãi: 1.149.175.314đ (*một tỷ một trăm bốn mươi chín triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm*

mười bốn đồng), lãi chậm trả: 57.146.168đ (năm mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng) theo các Hợp đồng cho vay số LN2101273344034 ngày 04-02-2021; số LN2103303549743 ngày 06-4-2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 02-4-2021, tương đương với Hợp đồng số LD2109800497 ghi trên hệ thống của P; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 22-3-2021, tương đương với hợp đồng số 308-P-3155272 ghi trên hệ thống của P và các văn bản tín dụng kèm theo.

1.2. Trường hợp vợ chồng anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị N không trả nợ cho Ngân hàng P thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc: Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 21 xã V, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CD 514579 ngày 28-11-2016, mang tên ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị N; thửa đất số 374, tờ bản đồ số 21 xã V, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CK 659563 ngày 19-9-2017, mang tên ông Nguyễn Văn R, bà Phạm Thị X và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 7 xã V, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CK 635259 ngày 28-11-2017, mang tên ông Nguyễn Văn Thi, bà Phạm Thị Lạ. Nếu tài sản đảm bảo vượt quá tổng số tiền nợ phải trả thì vợ chồng anh G, chị N được nhận lại phần chênh lệch thừa. Nếu tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng anh G, chị N còn phải tiếp tục thi hành phần nghĩa vụ chênh lệch còn thiếu đối với Ngân hàng P cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo là ngày 29-7-2022 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị N phải nộp 115.956.000đ (một trăm mười lăm triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng) tại biên lai thu số 0006166 ngày 11-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án

dân sự bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã V;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Lịch

Lưu Văn Đê

Phạm Thúy Nga